

BỘ NỘI VỤ  
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG  
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **291**/TTLĐNN-TCLĐ  
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục  
định hướng Chương trình EPS  
Khóa K11-SN06/2026

Hà Nội, ngày **03** tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội vụ .....

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng khóa K11-SN06/2026 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

**1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:**

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn đối với lao động mới: 920.000 đồng.

Người lao động thuộc dự án Công nghiệp gốc không đào tạo bổ túc tiếng Hàn vì vậy không cần chuẩn bị khoản tiền này.

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ;

+ Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

**2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng**

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

**2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo**

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **14h00 Thứ Năm ngày 09/04/2026;**

- Thời gian đào tạo: từ ngày **10/04** đến ngày **24/04/2026;**

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội).

## 2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

### - Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website [www.colab.moha.gov.vn](http://www.colab.moha.gov.vn) mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

*Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản phô tô 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản phô tô trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.*

### - Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động mang theo điện thoại thông minh có thể kết nối internet và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

+ Người lao động cần kiểm tra chính xác thông tin địa chỉ cư trú theo đơn vị hành chính mới trên ứng dụng VneID.

+ Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn thủ tục ký số đối với Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS và Hợp đồng ký quỹ trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

### - Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản phô tô 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

## 3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm

chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **10/04/2026** theo tài khoản sau:

- + Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước
- + Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
- + Số tài khoản: 1440201030194
- + Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền*).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



\*  
**Phạm Ngọc Lan**

TRU  
LAC  
NGO

Handwritten notes in the top right corner, including the number "100" and some illegible scribbles.

DATE: \_\_\_\_\_

TIME: \_\_\_\_\_

NAME: \_\_\_\_\_

ADDRESS: \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

TELEPHONE: \_\_\_\_\_

CITY: \_\_\_\_\_

STATE: \_\_\_\_\_  
COUNTRY: \_\_\_\_\_

POSTAL CODE: \_\_\_\_\_



Partial circular stamp on the left edge of the page.

**DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K11-SN06/2026**

(Kèm theo Công văn số 291/TTLĐNN-TCLĐ ngày 03/04/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
1	50505844	Thảo Thị Ngọc	29/07/1997	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-01	
2	50531727	Đặng Thị Dự	23/03/1986	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-02	
3	50531751	Hoàng Thị Khanh	24/12/1990	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-03	
4	50531771	Vy Văn Huy	22/06/1991	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-04	
5	50531791	Vi Thị Thanh	27/10/2002	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-05	
6	50531821	Hoàng Thị Thùy	26/07/1989	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-06	
7	50531849	Hà Thị Yên	13/07/1993	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-07	
8	50531859	Nịnh Văn Trâm	15/04/1997	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-08	
9	50531866	Lương Văn Hạnh	07/06/1997	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-09	
10	50531886	Hoàng Thị Trang	08/03/1994	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-10	
11	50531888	Hoàng Xuân Phúc	14/10/1989	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-11	
12	50531894	Nông Văn Thanh	19/07/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-12	
13	50307519	Giáp Văn Thành	13/02/1994	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-13	
14	50370521	Nguyễn Trung Quyết	03/10/2003	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-14	
15	50370592	Hoàng Anh Minh	28/08/2000	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-15	
16	50370610	Nguyễn Thị Thùy Trang	02/06/2005	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-16	
17	50370696	Trần Thị Oanh	03/01/1989	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-17	
18	50370744	Vi Thị Phương	12/03/1994	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-18	
19	50370751	Nguyễn Văn Trường	12/06/2003	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-19	
20	50200999	Hoàng Thị Yến	12/09/1996	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-20	
21	50201004	Nguyễn Tiến Lượng	21/11/2004	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-21	
22	50201018	Trần Văn Khải	15/09/1997	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-22	
23	50201057	Phan Văn Vượng	18/10/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K11SN06-23	
24	50809383	Nguyễn Văn Thành	07/07/1991	Nam	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K11SN06-24	
25	50503309	Ma Thị Ngợi	16/01/1999	Nữ	Cao Bằng	Cao Bằng	K11SN06-25	
26	50530309	Sầm Văn Long	26/08/1992	Nam	Cao Bằng	Cao Bằng	K11SN06-26	
27	50530321	Hoàng Ngọc Phi	24/09/1995	Nam	Cao Bằng	Cao Bằng	K11SN06-27	
28	50370091	Nông Thế Công	04/07/2000	Nam	Cao Bằng	Cao Bằng	K11SN06-28	
29	50902094	Tôn Đức Huỳnh	17/03/2000	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-29	CN Gốc
30	50534648	Lê Thị Hợp	30/08/1995	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-30	
31	50371835	Đặng Kim Thiện	10/06/1994	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-31	
32	50371865	Nguyễn Thị Phương	07/07/1990	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-32	
33	50203316	Trần Thanh Tân	29/08/1991	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-33	
34	50304354	Lê Văn Hùng	10/01/1997	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-34	
35	50304434	Dương Văn Ninh	02/05/1993	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-35	
36	50304534	Nguyễn Chí Báo	15/02/1996	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-36	
37	50304619	Phạm Văn Minh	26/03/1999	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-37	
38	50304625	Đỗ Quốc Minh	15/02/2004	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-38	
39	50304658	Lê Văn Phú	03/07/2001	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-39	
40	50304681	Phan Việt Hoa	13/10/2001	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K11SN06-40	
41	50501941	Nguyễn Thị Hoạt	12/08/1995	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K11SN06-41	

NỘI  
NG T  
ĐỘNG  
ÀI NƯ

9

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
42	50502243	Lê Thị Kim Nhung	28/06/2003	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K11SN06-42	
43	50502526	Đỗ Thị Huyền Ly	29/06/1992	Nữ	Hưng Yên	Hưng Yên	K11SN06-43	
44	50303509	Nguyễn Văn Nam	08/06/1991	Nam	Hưng Yên	Hưng Yên	K11SN06-44	Bổ trí lại
45	50503811	Vì Ngọc Thúy	26/11/1992	Nữ	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K11SN06-45	
46	50503827	Nông Thị Thu Trang	22/01/1999	Nữ	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K11SN06-46	
47	50370358	Trần Thế Cường	03/06/1999	Nam	Yên Bái	Lào Cai	K11SN06-47	Bổ trí lại
48	50200732	Giàng A Sang	16/04/2000	Nam	Yên Bái	Lào Cai	K11SN06-48	
49	50200735	Mùa A Đông	28/08/2002	Nam	Yên Bái	Lào Cai	K11SN06-49	
50	50804190	DOAN VAN VU	12/10/2001	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K11SN06-50	
51	50300582	Trần Minh Trí	06/04/2006	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K11SN06-51	
52	50300594	Hoàng Văn Hậu	02/04/1992	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K11SN06-52	
53	50509461	Đinh Thị Thanh Hiền	26/06/1994	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K11SN06-53	
54	50300703	Trần Văn Thuần	06/01/2000	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K11SN06-54	
55	50300723	Nguyễn Văn Vinh	18/02/1995	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K11SN06-55	
56	50300748	Trần Đức Thiện	21/11/2001	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K11SN06-56	
57	50300750	Trần Văn Tuấn	25/08/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K11SN06-57	
58	50300761	Nguyễn Văn Quang	29/06/2003	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K11SN06-58	
59	50813439	Trần Ngọc Hải	05/01/1999	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K11SN06-59	
60	50903029	Trần Văn Hòa	14/10/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-60	CN Gốc
61	50903034	Nguyễn Tiến Đạt	02/01/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-61	CN Gốc
62	51001017	Cao Văn Hạnh	30/10/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-62	CN Gốc
63	51004012	Trần Sinh Sắc	06/06/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-63	CN Gốc
64	51005007	Trương Văn Phong	26/04/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-64	CN Gốc
65	51005035	Nguyễn Bá Hiếu	03/04/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-65	CN Gốc
66	51005048	Nguyễn Như Hải	23/06/1989	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-66	CN Gốc
67	50516703	Lê Thị Hợi	03/11/1995	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-67	
68	50533885	Nguyễn Văn Hậu	04/11/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-68	
69	50371691	Lê Công Hậu	23/04/1993	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-69	
70	50371736	Quang Thị Hiền	20/06/1995	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-70	
71	50373068	Phan Tuấn Anh	25/11/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-71	
72	50373158	Đinh Thị Huyền	08/07/1992	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-72	
73	50202905	TRẦN THỊ HƯƠNG	24/03/1988	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-73	
74	50202979	Trần Văn Thông	14/12/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-74	
75	50203004	PHẠM ĐÌNH TẤN	23/06/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-75	
76	50303128	Đậu Đăng Nam	27/08/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-76	
77	50303300	Nguyễn Văn Phi	28/08/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-77	
78	50303327	Phan Văn Hiếu	30/08/1996	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-78	
79	50823784	NGÔ VĂN MẠNH	06/04/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-79	
80	50824859	TRẦN VĂN MẠNH	20/02/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K11SN06-80	
81	50201614	Bạch Thanh Đông	01/05/1989	Nam	Hòa Bình	Phú Thọ	K11SN06-81	
82	50810414	Bùi Mạnh Hùng	01/02/2006	Nam	Hòa Bình	Phú Thọ	K11SN06-82	
83	50531300	Lâm Thị Huyền Trang	15/10/1988	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K11SN06-83	
84	50531301	Hà Thị Bích Hương	15/12/1993	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K11SN06-84	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
85	50531316	Lê Hữu Phước	15/10/1994	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K11SN06-85	
86	50370404	Hà Văn Thảo	20/05/1991	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K11SN06-86	
87	50356846	Hoàng Thị Thuý Trinh	19/11/1996	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-87	
88	50305702	Nguyễn Hữu Hoà	10/02/1995	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-88	
89	50305706	Lê Xuân Vời	01/10/1999	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-89	
90	50305773	Trương Lê Đức	23/04/2004	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-90	
91	50305855	Trần Văn Quý	05/10/1997	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-91	
92	50305952	Nguyễn Văn Lộc	11/07/2003	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-92	
93	50305956	Lê Tiểu Yến	23/03/1999	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-93	
94	50305983	Trần Mạnh Hùng	04/10/2003	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-94	
95	50306027	Nguyễn Văn Tài	16/06/2001	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-95	
96	50306052	Trần Tuấn Anh	08/01/2004	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-96	
97	50306093	Trương Quốc Kỳ	23/10/2003	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-97	
98	50306105	Hoàng Văn Khoa	13/05/2006	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-98	
99	50306119	Nguyễn Văn Nhật	13/12/1993	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-99	
100	50306141	Mai Văn Sơn	20/12/2005	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-100	
101	50306186	Nguyễn Đình Quý	10/05/2003	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-101	
102	50306233	Hoàng Xuân Hiệp	08/01/2003	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K11SN06-102	
103	50520537	Hồ Thị Kim Vui	16/10/1991	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K11SN06-103	
104	50520581	Nguyễn Thị Tuyên	02/02/1991	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K11SN06-104	
105	50535304	Hoàng Thị Bích Hồng	17/10/1998	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K11SN06-105	
106	50306974	Lê Văn Quảng	09/08/2003	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K11SN06-106	
107	50203705	Nguyễn Thành Bản	01/08/2004	Nam	TP Huế	Tp Huế	K11SN06-107	
108	50370056	Lã Xuân Học	13/09/1993	Nam	Hà Giang	Tuyên Quang	K11SN06-108	
109	50370062	Phùng Thị Mông	15/08/1995	Nữ	Hà Giang	Tuyên Quang	K11SN06-109	
110	50200106	Khâu Đức Tâm	06/12/2003	Nam	Hà Giang	Tuyên Quang	K11SN06-110	
111	50530699	Dương Văn Kinh	03/04/1995	Nam	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K11SN06-111	
112	50200351	Tô Văn Trâm	27/03/1997	Nam	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K11SN06-112	
113	50901098	Lê Đình Vũ	06/01/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-113	CN Gốc
114	50902006	Nguyễn Bá Huy	05/08/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-114	CN Gốc
115	50903087	Nguyễn Xuân Trường	10/10/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-115	CN Gốc
116	50903089	Hòa Văn Đoàn	28/01/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-116	CN Gốc
117	50903090	Nguyễn Văn Kiên	29/08/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-117	CN Gốc
118	50533077	Nguyễn Thị Linh	25/11/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-118	
119	50533088	Lò Văn Hưng	08/10/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-119	
120	50533091	Ngân Văn Thông	27/12/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-120	
121	50533097	Vì Thị Thu Phương	21/07/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-121	Bổ trí lại
122	50533143	Lê Thị Huân	02/02/1992	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-122	
123	50533145	Nguyễn Thị Loan	16/01/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-123	
124	50533228	Đào Bá Tùng	30/12/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-124	
125	50533281	Lương Thế Anh	01/11/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-125	
126	50533285	Lộc Văn Hòa	25/09/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-126	
127	50533324	Bùi Văn Nam	24/09/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-127	

ÂM  
IG  
ỐC

4

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
128	50533356	Lò Văn Tùng	17/02/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-128	
129	50533377	Nguyễn Trọng Hào	21/11/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-129	
130	50533402	Đỗ Xuân Đông	15/12/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-130	
131	50533403	Đỗ Xuân Thiện	15/04/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-131	
132	50533412	Lương Thị Lìng	15/06/1994	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-132	
133	51033915	Trần Hải Hà	18/03/1984	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-133	Bổ trí lại
134	51034288	Hoàng Đình Cây	06/06/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-134	
135	51034494	Lê Văn Hùng	09/06/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-135	
136	51034922	Lê Văn Tài	05/02/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-136	
137	50321988	Lê Văn Hùng	25/08/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-137	
138	50371113	Phạm Thị Dung	07/02/1992	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-138	
139	50371114	Dương Quỳnh Trang	03/11/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-139	
140	50371153	Bùi Điệp Sơn	25/11/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-140	
141	50371159	Lê Thị Lan	20/07/1994	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-141	
142	50371221	Bùi Văn Hưng	06/06/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-142	
143	50371294	Lò Văn Chí	01/07/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-143	
144	50371362	Lương Thị Thắm	18/09/1992	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-144	
145	50371393	Lương Công Trường	03/11/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-145	
146	50371434	Vi Diệu Kỳ	27/07/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-146	
147	50371438	Phan Văn Đức	20/10/1987	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-147	
148	50371454	Giang Thị Hằng	02/05/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-148	
149	50373652	Hà Văn Hùng	06/03/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-149	
150	50373653	Vũ Trọng Tuyển	06/09/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-150	
151	50373654	Nguyễn Thị Ánh	26/06/1993	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-151	
152	50373661	Lương Thị Hương	09/10/1989	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-152	
153	50373693	Lê Xuân Trường	12/08/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-153	
154	50373729	Lê Hữu Nhân	01/04/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-154	
155	50373746	Trần Nam Định	25/10/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-155	
156	50373771	Lê Sỹ Thiện	05/08/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-156	
157	50373902	Hà Thị Hưng	30/03/1995	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-157	
158	50373933	Mai Thanh Giang	09/05/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-158	
159	50202006	Lê Hoàng Khánh	01/05/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-159	
160	50202082	Bùi Văn Hoàng	01/07/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-160	
161	50202096	Đỗ Thị Hải	06/07/1994	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-161	
162	50202126	Bùi Thị Lan	01/01/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-162	
163	50202145	Nguyễn Văn Tuyên	05/06/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-163	
164	50202202	Ngân Văn Lâm	14/02/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-164	
165	50202222	Phạm Thị Quỳnh Như	13/06/2006	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-165	
166	50202242	Lò Thị Thiết	06/06/2000	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-166	
167	50202275	Vi Thị Như	14/05/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-167	
168	50202305	Phạm Hồng Sơn	29/04/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-168	
169	50300900	Phạm Văn Ba	05/07/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-169	
170	50300924	Nguyễn Trọng Đại	28/06/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-170	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
171	50300927	Nguyễn Văn Tuyên	18/07/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-171	
172	50300946	Nguyễn Thành Long	20/11/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-172	Bổ trí lại
173	50300979	Ngô Văn Biền	17/03/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-173	
174	50300980	Phạm Văn Dương	24/10/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-174	
175	50301001	Lê Cảnh Cương	04/02/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-175	
176	50301004	Hồ Sỹ Thành	19/10/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-176	Bổ trí lại
177	50301008	Nguyễn Văn Duy	13/03/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-177	
178	50301049	Phạm Tuấn Vũ	06/12/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-178	
179	50301056	Nguyễn Văn Tuấn	10/10/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-179	
180	50301059	Lê Văn Tuấn	25/03/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-180	
181	50301076	Lê Thanh Long	15/11/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-181	
182	50301111	Nguyễn Minh Hiếu	13/08/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-182	
183	50301147	Nguyễn Văn Nhật	02/07/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-183	
184	50301233	Nguyễn Hữu Hưng	12/10/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-184	
185	50301268	Phạm Ngọc Dương	06/05/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-185	
186	50301287	Ngô Văn Tuấn	28/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-186	
187	50301293	Văn Huy Tuấn Anh	03/06/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-187	
188	50301299	Nguyễn Văn Hậu	07/03/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-188	
189	50301317	Nguyễn Long Nhật	26/05/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-189	
190	50301322	Lê Văn Đức	08/02/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-190	
191	50301325	Đào Văn Đông	18/10/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-191	
192	50301330	Mai Tuấn Anh	07/07/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-192	
193	50301336	Phạm Văn Dũng	10/03/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-193	
194	50301364	Đâu Khắc Văn	24/06/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-194	
195	50815488	Nguyễn Văn Đạt	20/05/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-195	
196	50817955	Hà Thanh Tinh	02/01/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-196	
197	50818227	Trịnh Huy Tùng	03/03/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-197	
198	50818830	Trần Văn Hùng	14/04/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-198	
199	50819190	Phạm Văn Dũng	05/02/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-199	
200	50819614	Cao Văn Cường	15/09/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K11SN06-200	

